

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: 23/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Châu Thành, ngày 31 tháng 5 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2016/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2016.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1966;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Tiến là anh Phan Đức Th, sinh năm 1992, cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị L, sinh năm 1957;

2/ Ông Phan Văn X, sinh năm 1965;

3/ Ông Phan Văn B, sinh năm 1964;

4/ Bà Phan Thị Ngọc L (B), sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1956; (vợ ông D)

6/ Anh Phan Nhựt L, sinh năm 1990; (con ông D)

7/ Anh Phan Nhựt Kh, sinh năm 1993; (con ông D)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mỹ L và anh Nhựt Kh là anh Phan Nhựt L, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

8/ Ông Đặng Văn D, sinh năm 1973;

9/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1 Ông Phan Văn T được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T chết để lại gồm một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, diện tích  $210m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 20-21-30-31-20; một phần thửa đất số 703, tờ bản đồ số 01, diện tích  $2.404m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 6-7-8-9-10-39-6 và một phần thửa đất số 395, tờ bản đồ số 01, diện tích  $1.288m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 11-12-4-5-11 do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Ông Phan Văn B được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T chết để lại gồm một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 1, diện tích  $230m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 18-19-20-31-32-18 và một phần thửa đất số 395, tờ bản đồ số 01, diện tích  $1.288m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 1-2-3-4-12-1 do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.3 Bà Nguyễn Thị Mỹ L, anh Phan Nhựt L và anh Phan Nhựt Kh là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Văn D được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T chết để lại gồm một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 1, diện tích 218 m<sup>2</sup>, vị trí thể hiện các mốc 23-24-25-26-27-28-23 và một phần thửa đất số 703, tờ bản đồ số 1 và diện tích 1.892m<sup>2</sup>, vị trí thể hiện các mốc 5-6-39-38-37-5 do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.4 Ông Phan Văn X được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T chết để lại gồm một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, diện tích 119m<sup>2</sup>, vị trí thể hiện các mốc 1'-2'-3'-4'-5'-36-6'-7'-8'-1' và một phần thửa đất số 395, tờ bản đồ số 01 có diện tích 1.283m<sup>2</sup> vị trí thể hiện các mốc 6-7-8-10-6 do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.5 Bà Phan Thị L được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T chết để lại gồm một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 1, diện tích 98m<sup>2</sup>, vị trí thể hiện các mốc 3-10'-11'-34-35-3 và một phần thửa đất số 703, tờ bản đồ số 01 có diện tích 1.691m<sup>2</sup> vị trí thể hiện các mốc 4A-5-37-38-13-14-15-4A do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.6 Bà Phan Thị Ngọc L (B) được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T chết để lại gồm một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, diện tích 105m<sup>2</sup>, vị trí thể hiện các mốc 3-35-36-5'-9'-3 và một phần thửa đất số 395, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.288m<sup>2</sup>, vị trí thể hiện các mốc 5-6-10-11-5 do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.7 Ông Phan Văn B được chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T chết để lại cụ thể như sau:

+ Đối với một phần thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01 thể hiện cụ thể theo chi tiết sau:

a/ Ông B được quyền sử dụng đất diện tích  $283,0m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 21-22-23-28-29-30-21.

b/ Ông B được quyền sử dụng đất diện tích  $115m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 1-2-9'-5'-4'-3'-2'-1'-8'-7'-27'-1.

c/ Ông B được quyền sử dụng đất diện tích  $202m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 4-33-34-11'-4 (tại phần đất này có khu mộ).

+ Đối với thửa đất số 703, tờ bản đồ số 01 ông B được quyền sử dụng đất diện tích  $1.689m^2$ , vị trí thể hiện các mốc 4-4A-15-16-17-18-32-33-4.

2.8 Ông Đặng Văn D, bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất  $2.035m^2$  vị trí thể hiện các mốc 10-11-12-13-38-39-10, theo sơ đồ đo đạc ngày 27/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, thuộc một phần thửa đất số 703, tờ bản đồ số 01, do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.9 Ông Phan Văn T, ông Phan Văn B, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Ngọc L (B), ông Phan Văn X, ông Phan Văn B đồng ý mở một lối đi chung từ đường lộ nông thôn kéo dài đến ranh thửa 703, vị trí thể hiện các mốc 27-28-29-30-31-32-33-34-35-36-6'-7'-27'-27, thuộc một phần thửa đất số 706 nêu trên, đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tất cả diện tích và vị trí đất xác định theo theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xác nhận ngày 23/5/2022, các thửa đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của ai lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật. Cây trồng và công trình kiến trúc trên các thửa đất thuộc diện tích của ai thì người đó được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký Quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

- Về án phí:

- Ông Phan Văn T phải nộp 11.087.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được thừa kế và 331.500 đồng án phí đối với phần đất lỗi đi, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.789.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 038579 ngày 30/3/2016; 2.089.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013384 ngày 23/4/2021 và 5.156.600 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013332 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, như vậy ông T còn phải nộp 663.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn B phải nộp 5.138.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được thừa kế và 331.500 đồng án phí đối với phần đất lỗi đi, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.789.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 11618 ngày 21/9/2016 và 1.925.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013333 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, như vậy ông B còn phải nộp 755.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, anh Phan Nhựt L và anh Phan Nhựt Kh phải nộp 6.648.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được thừa kế và 331.500 đồng án phí đối với phần đất lỗi đi. Bà Nguyễn Thị Mỹ L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Anh Phan Nhựt L và anh Phan Nhựt Kh phải liên đới nộp 4.733.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà L, anh L, anh Kh đồng ý khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.648.800 đồng theo biên lai thu số 0013299 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành vào án phí anh L, anh Kh phải nộp, như vậy bà L được nhận lại 1.915.800 đồng.

- Ông Phan Văn X phải nộp 4.292.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được thừa kế và 331.500 đồng án phí đối với phần đất lỗi đi, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009020 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, như vậy ông X còn phải nộp 2.561.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn B phải nộp 8.976.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối

với phần đất được thừa kế và 331.500 đồng án phí đối với phần đất lỗi đi, như vậy tổng cộng ông B phải nộp 9.307.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đặng Văn D, bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013303 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, như vậy ông D, bà T đã nộp xong án phí.

- Bà Phan Thị L, bà Phan Thị Ngọc L (B) được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về chi phí tố tụng khác: chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tổng số tiền 15.716.890 đồng, ông T đã nộp 15.316.890 đồng, bà L (B) đã nộp 400.000 đồng tạm ứng và đã chi xong số tiền 15.716.890 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Phan Thị L, ông Phan Văn B, ông Phan Văn X, ông Phan Văn B, ông Đặng Văn D mỗi người phải trả lại cho ông Phan Văn T 1.965.000 đồng; bà Phan Thị Ngọc L (Bi) phải trả lại cho ông Phan Văn T 1.565.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**( ĐÃ KÝ )**

**Nguyễn Minh Phong**